

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08-3-2018

V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Trí.

Ông Nguyễn Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1971; cư trú tại ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn C; sinh năm 1972; cư trú tại ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2017 của chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Phạm Văn C tự nguyện kết hôn vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An, huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, cự cãi nhau và không thể giải quyết được nên anh chị tự sống riêng từ năm 2013 đến

nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung có hai người tên Phạm Thị Phương Ngân N, sinh ngày 16/4/1996 đã thành niên nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và Phạm Thị Trâm A, sinh ngày 16/9/2005 chị yêu cầu được nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn vắng mặt ngày 04 tháng 12 năm 2017 của anh Phạm Văn C trình bày: Anh và chị Trần Thị D tự nguyện kết hôn vào năm 1993 là đúng, đến năm 2002 đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống đôi lúc vợ chồng có sự bất đồng quan điểm và đến năm 2013 vợ chồng không còn ở chung đến nay, việc chị D yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về phần con chung có hai người như chị D trình bày, sau khi ly hôn anh thống nhất để chị D nuôi con. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Đối với Phạm Thị Trâm A là con của chị D và anh C có nguyện vọng ở cùng chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Trần Thị D được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Thị D và anh Phạm Văn C đều có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị D và anh Phạm Văn C được xác lập vào năm 1993 và đến năm 2002 đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng, thường không tin tưởng lẫn nhau. Do không giải quyết được mâu thuẫn gia đình nên anh chị tự sống riêng từ năm 2013 đến nay, hiện tại mỗi người một nơi,

không ai quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau trong những lúc khó khăn, thời gian ngày càng kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa phía chị D và anh C đều thống nhất ly hôn nên chấp nhận yêu cầu của D được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị D và anh C có hai người con chung, trong đó có một người con đã thành niên và theo anh chị xác định không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra việc nuôi dưỡng. Còn lại người con tên Phạm Thị Trâm A, sinh ngày 16/9/2005 đang ở cùng chị D, phía anh C thống nhất giao cho chị D nuôi theo nguyện vọng của con. Như vậy, các đương sự đã thỏa thuận trong việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận theo sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phần cấp dưỡng do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản: Chị D và anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ phần tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử vắng mặt chị Trần Thị D và anh Phạm Văn C.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về nuôi con chung: Chị Trần Thị D được nuôi người con tên Phạm Thị Trâm A, sinh ngày 16/9/2005 hiện đang ở cùng chị, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Đối với người con tên Phạm Thị Phương Ngân N, sinh ngày 16/4/1996 hiện đã thành niên và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Phản cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Phạm Văn C có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Trần Thị D.

Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013936 ngày 31/10/2017 được khấu trừ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Viên An, huyện Ngọc Hiển;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải

